

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 28/7/2025.

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Triệu Thị Vang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tiến Tùng** và ông **Hứa Đình Hiên**

Thư ký phiên toà: Bà **Lưu Thị Quỳnh** – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà **Nông Thị Dinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLST - HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Triệu Thị L** - sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn B, xã M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn Bản P, xã T, tỉnh Thái Nguyên); chỗ ở hiện nay: số nhà C, đường N, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường V, tỉnh Bắc Ninh) (vắng mặt có lý do, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh **Lý Văn V** - sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn B, xã M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn Bản P, xã T, tỉnh Thái Nguyên); chỗ ở hiện nay: khu phố S, thị trấn L, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp S, xã C, tỉnh Đồng Nai) (vắng mặt có lý do, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn xin ly hôn đề ngày 27 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn Triệu Thị L trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân**: chị và anh Lý Văn V có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 06/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là UBND xã T, tỉnh Thái Nguyên) trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn và được hai bên gia đình nhiều lần hoà giải, động viên, nhưng không thành, vợ

chồng không thể hàn gắn được, chị và anh V đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

- **Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:** chị và anh V có 01 (một) con chung là Lý Phương U – sinh ngày 23/02/2018, hiện con đang ở với anh V, con khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Nếu được ly hôn, chị đề nghị Toà án giao con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện nay chị chưa có điều kiện để trực tiếp nuôi con, điều kiện nuôi con của anh V tốt hơn, đồng thời cũng là để đảm bảo ổn định cuộc sống của con. Chị có ý kiến là anh V không yêu cầu chị cấp dưỡng hoặc nếu có yêu cầu thì chị sẽ cấp dưỡng với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng)/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- **Về tài sản chung:** chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về nợ chung:** chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lý Văn V trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** anh và chị Triệu Thị L có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 06/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là UBND xã T, tỉnh Thái Nguyên) trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống đến khoảng năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mặc dù hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay anh cũng xét thấy tình cảm không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị L đề nghị ly hôn, anh nhất trí ly hôn.

- **Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:** anh và chị L có 01 (một) con chung là Lý Phương U – sinh ngày 23/02/2018, hiện con đang ở với anh, con khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn, anh đề nghị Toà án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, vì anh đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, điều kiện nuôi con của anh tốt hơn chị L, đồng thời cũng là để đảm bảo ổn định cuộc sống của con. Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về nợ chung:** anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại phiên toà:

- Đại diện viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 Điều 228/BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Triệu Thị L:

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Triệu Thị L được ly hôn anh Lý Văn V.

+ Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Lý Phương U, sinh ngày 23/02/2018 cho anh Lý Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung Lý Phương U đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Anh V không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: chị L và anh V không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

+ Về nợ chung: chị L và anh V không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

+ Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[I] **Về thủ tục tố tụng:** nguyên đơn Triệu Thị L, bị đơn Lý Văn V đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228/BLTTDS tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn Triệu Thị L, bị đơn Lý Văn V.

[II] Về nội dung:

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** chị Triệu Thị L và anh Lý Văn V kết hôn ngày 06/6/2017 trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là UBND xã T, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn và được hai bên gia đình nhiều lần hoà giải, động viên, nhưng không thành, vợ chồng không thể hàn gắn được, từ năm 2023 đến nay chị L và anh V sống ly thân. Như vậy, phải khẳng định rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh V đã có nhiều mâu thuẫn, ngày càng trầm trọng, anh chị không còn tiếng nói chung, với tình trạng cuộc sống như vậy, xét thấy có vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, về tình nghĩa vợ chồng – vợ chồng anh chị không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ cuộc sống, hôn nhân giữa chị L và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh V cũng nhất trí ly hôn, nên cần thiết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn anh V.

[2] **Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:** chị L và anh V có 01 (một) con chung là Lý Phương U – sinh ngày 23/02/2018, con khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh V đều có ý kiến đề nghị được giao con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy đây là ý chí chung chị L và anh V, phù hợp với nguyện vọng của cháu Lý Phương U, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L: giao con chung Lý Phương U cho anh Lý Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung Lý Phương U đủ 18 tuổi. Anh V không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] **Về tài sản chung:** chị L và anh V không yêu cầu giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về nợ chung:** chị L và anh V không yêu cầu giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Về án phí:** nguyên đơn Triệu Thị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4, Điều 147/BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

[III] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật - được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 Điều 228/BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Triệu Thị L: chị Triệu Thị L được ly hôn anh Lý Văn V.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao con chung: Lý Phương U, sinh ngày 23/02/2018 cho anh Lý Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung Lý Phương U đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Anh V không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: không xem xét

4. Về nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí: chị Triệu Thị L phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001967 ngày 20/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

6. Quyền kháng cáo: nguyên đơn Triệu Thị L, bị đơn Lý Văn V – đều vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01)
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (01)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND khu vực 6 – Thái Nguyên (02)
- UBND xã Thanh Mai, tỉnh Thái Nguyên (Nơi ĐKKH) (01)
- THADS tỉnh Thái Nguyên (01)
- Các đương sự (02)
- Lưu HS (01)
- Lưu VP (01).

Triệu Thị Vang